

Số: **07/2020/QĐST-HNGĐ**

Yên Định, ngày 08 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 138/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị V, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Thôn DH, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn L, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Thôn DH, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn – Chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Đại diện theo ủy quyền Ông Nguyễn Văn H.

Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn – Chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Khu 4, Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Bùi Thị S, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn DH, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 59, 60, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a, b khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn

và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị V và anh Bùi Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Trịnh Thị V và anh Bùi Văn L có 03 con chung. Cháu Bùi Thị X, sinh ngày 25/3/2000; cháu Bùi Thị Ph, sinh ngày 12/6/2002 hiện đã trưởng thành. Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Văn T, sinh ngày 05/8/2014. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị V không yêu cầu.

Anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Xác nhận tổng tài sản đã định giá là 152.303.000đồng.

Chia giá trị mỗi người được hưởng 76.151.500đồng.

Chia hiện vật: Chị V và anh L thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau:

* Phần tài sản chị V được hưởng: 01 máy giặt trị giá 500.000 đồng; 01 xe máy RSX biển kiểm soát 36B5 179.34 trị giá 10.000.000 đồng; 01 tủ 2 buồng trị giá 700.000 đồng; 02 giường đôi không định giá; Nhà ngang 23.52m² trị giá 19.866.000 đồng; bán bình bếp 11,04m² trị giá 7.800.000đồng; Chuồng chăn nuôi 33.22m² trị giá 1.000.000 đồng; Tường xây gạch vồ 27,84 m² trị giá 1.500.000 đồng; Đất ở 100 m² giá 19.500.000 đồng và Đất vườn 106 m² trị giá 10.335.000 đồng. Tổng tài sản chị V được hưởng là: 71.201.000 đồng. (*Bảy một triệu, hai trăm lẻ một nghìn đồng.*)

* Phần tài sản anh L được hưởng: 01 nhà cấp IV ba gian diện tích 39,42m² trị giá 42.112.000 đồng; Mái tôn trị giá 200.000 đồng; Sân gạch 34,5m² trị giá 500.000 đồng; Sân xi măng trị giá 300.000 đồng; Nhà xe trị giá 1.000.000 đồng; Tường rào 30.32 m² trị giá 500.000 đồng; 01 ti vi trị giá 1.000.000 đồng; 01 tủ lạnh trị giá 500.000 đồng; 01 xe máy DREM đã cũ trị giá 1.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế 3 đại đã cũ trị giá 200.000 đồng; 01 tủ 3 buồng trị giá 1.200.000 đồng; 01 téc đựng nước trị giá 1.000.000 đồng; 01 giường đôi không định giá; Đất ở 100m² trị giá 19.500.000 đồng và đất vườn 124 m² trị giá 12.090.000 đồng. Tổng tài sản anh L được hưởng: 81.102.000 đồng. (*Tám một triệu, một trăm linh hai nghìn đồng.*)

Ranh giới phân chia như sau: Lấy mép móng nhà lớn phía Tây làm điểm chuẩn kéo một đường thẳng từ Tây sang Đông, chia đôi thửa đất làm hai phần.

Phần nhà đất của anh L nằm phía Nam giáp nhà chị Hà, phía Tây giáp ngõ vào có chiều dài tính từ phần đất giáp chị Hà đến mép móng tường nhà lớn là

11,9m. Phía Đông giáp nhà bà Tăng có chiều dài 11,9m. Phía Nam giáp nhà bà Hà dài 19,55m.

Phần đất nhà đất của chị V có chiều dài phía Tây tính từ mép móng nhà chia cho anh L, kéo ra phía Bắc giáp nhà bà Hợp có chiều dài 12m. Cạnh phía Đông giáp nhà bà Tăng có chiều dài 12,1m. Phía Bắc giáp nhà bà Hợp dài 16,4m. (có bản vẽ chi tiết kèm theo)

Về công nợ chung: Chị V, anh L, chị Bùi Thị S và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa thống nhất thỏa thuận về số nợ chung và phân chia công nợ chung như sau:

Tổng số nợ chung là 91.000.000 đồng. Mỗi người phải chịu trách nhiệm trả nợ 45.500.000 đồng. Bao gồm:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa: 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) và lãi suất kèm theo hợp đồng đã trả đến ngày 31/12/2020.

- Nợ chị Bùi Thị S 20.000.000 đồng. (*Hai mươi triệu đồng*)

- Một số khoản nợ khác 26.000.000 đồng. (*Hai sáu triệu đồng*) (Bao gồm: Nợ Họ Bùi: 8.000.000đồng; Vay quỹ Hội đồng niên: 3.000.000đồng; Vay Hội lớp: 10.000.000đồng).

Quan điểm phân chia công nợ chung:

Chị Trịnh Thị V chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa số tiền là 45.000.000đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) và lãi kèm theo hợp đồng tín dụng từ ngày 01.01.2021. Trả khoản tiền đã vay trước để trả cho Ngân hàng 5.000.000đồng theo định kỳ. Trả khoản tiền vay để trả tiền hội lớp học của anh L 10.000.000đ. Tổng chị V phải trả 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*)

Anh Lê Văn L chịu trách nhiệm trả cho chị Bùi Thị S 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) không tính lãi và số nợ Họ Bùi: 8.000.000đồng; Nợ vay quỹ Hội đồng niên: 3.000.000đồng; Tổng phải trả 31.000.000 đồng. (*Ba một triệu đồng*)

Anh L chịu trách nhiệm giao lại cho chị V 19.451.000đồng (*Mười chín triệu, bốn trăm năm một nghìn đồng*) tiền chênh lệch tài sản.

Chi phí thẩm định và định giá: Tổng chi phí 5.000.000 đồng, chị V và anh L mỗi người phải chịu 2.500.000 đồng. Chị V đã nộp tiền tạm ứng 5.000.000 đồng. Anh L phải giao lại cho chị V 2.500.000 đồng.

Tổng số tiền anh L phải giao lại cho chị V là 19.451.000 đồng + 2.500.000đồng = 21.951.000 đồng (*Hai một triệu, chín trăm năm một nghìn đồng*)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Hai bên đương sự thoả thuận chị Trịnh Thị V chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo biên lai thu số AA/2015/0003755 ngày 01/10/2020. Chị V được nhận lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*)

Án phí giá ngạch: Chị V phải chịu 1.016.275 đồng (*Một triệu, không trăm mười sáu nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng*) tiền án phí giá ngạch tài sản. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.680.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0003756 ngày 01/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa. Đối trừ, chị V được nhận lại 1.663.725 đồng (*Một triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng*.)

Anh L phải chịu 1.016.275 đồng (*Một triệu, không trăm mười sáu nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng*) tiền án phí giá ngạch tài sản.

Trả lại cho chị Bùi Thị S 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2015/0005335 ngày 11/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- UBND xã ĐH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Thắng

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 138/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị V, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Thôn Duyên Hy, xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn L, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Thôn Duyên Hy, xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Đại diện theo ủy quyền Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Khu 4, Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Bùi Thị S, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Duyên Hy, xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 59, 60, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a, b khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị V và anh Bùi Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Trịnh Thị V và anh Bùi Văn L có 03 con chung. Cháu Bùi Thị Xuân, sinh ngày 25/3/2000; cháu Bùi Thị Linh, sinh ngày 12/6/2002 hiện đã trưởng thành. Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Văn Tiến, sinh ngày 05/8/2014. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị V không yêu cầu.

Anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Tổng tài sản đã định giá là 152.303.000đồng.

Chia giá trị mỗi người được hưởng 76.151.500đồng.

Chia hiện vật: Chị V và anh L thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau:

* Phần tài sản chị V được hưởng:

01 máy giặt trị giá 500.000đồng; 01 xe máy RSX biển kiểm soát 36B5 179.34 trị giá 10.000.000đồng; 01 tủ 2 buồng trị giá 700.000đồng; 02 giường đôi không định giá; Nhà ngang 23.52m² trị giá 19.866.000đồng; bồn bình bếp 11,04m² trị giá 7.800.000đồng; Chuồng chăn nuôi 33.22m² trị giá 1.000.000đồng; Tường xây gạch vồ 27,84 m² trị giá 1.500.000đồng; Đất ở 100 m² giá 19.500.000đồng và Đất vườn 106 m² trị giá 10.335.000đồng.

Tổng tài sản chị V được hưởng là: 71.201.000đồng. (*Bảy một triệu, hai trăm lẻ một nghìn đồng.*)

* Phần tài sản anh L được hưởng: 01 nhà cấp IV ba gian diện tích 39,42m² trị giá 42.112.000đồng; Mái tôn trị giá 200.000đồng; Sân gạch 34,5m² trị giá 500.000đồng; Sân xi măng trị giá 300.000đồng; Nhà xe trị giá 1.000.000đồng; Tường rào 30.32 m² trị giá 500.000đồng; 01 tivi trị giá 1.000.000đồng; 01 tủ lạnh trị giá 500.000đồng; 01 xe máy DREM đã cũ trị giá 1.000.000đồng; 01 bộ bàn ghế 3 đai đã cũ trị giá 200.000 đồng; 01 tủ 3 buồng trị giá 1.200.000 đồng; 01 téc đựng nước trị giá 1.000.000đồng; 01 giường đôi không định giá; Đất ở 100m² trị giá 19.5000.000đồng và đất vườn 124 m² trị giá 12.090.000 đồng. Tổng tài sản anh L được hưởng: 81.102.000đồng. (*Tám một triệu, một trăm linh hai nghìn đồng.*)

Ranh giới phân chia như sau: Lấy mép móng nhà lớn làm điểm chuẩn kéo một đường thẳng từ Tây sang Đông, chia đôi thửa đất làm hai phần.

Phần nhà đất của anh L nằm phía Nam giáp nhà chị Hà, phía Tây giáp ngõ vào có chiều dài tính từ phần đất giáp chị Hà đến mép móng tường nhà lớn là

11,9m. Phía Đông giáp nhà bà Tăng có chiều dài 11,9m. Phía Nam giáp nhà bà Hà dài 19,55m.

Phần đất nhà đất của chị V có chiều dài phía Tây tính từ mép móng nhà chia cho anh L, kéo ra phía Bắc giáp nhà bà Hợp có chiều dài 12m. Cạnh phía Đông giáp nhà bà Tăng có chiều dài 12,1m. Phía Bắc giáp nhà bà Hợp dài 16,4m. (có bản vẽ chi tiết kèm theo)

Về công nợ chung: Chị V, anh L, chị Bùi Thị S và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa thống nhất thỏa thuận về số nợ chung và phân chia công nợ chung như sau:

Tổng số nợ chung là 86.000.000đồng. Mỗi người phải chịu trách nhiệm trả nợ 43.000.000đồng.

Bao gồm:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa: 45.000.000đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) và lãi suất kèm theo hợp đồng đã trả đến ngày 31/12/2020.

- Nợ chị Bùi Thị S 20.000.000đồng. (*Hai mươi triệu đồng*)

- Một số khoản nợ khác 21.000.000đồng. (*Hai một triệu đồng*)

Quan điểm phân chia công nợ chung:

Chị Trịnh Thị V chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa số tiền là 45.000.000đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) và lãi kèm theo hợp đồng tín dụng từ ngày 01.01.2021.

Anh Lê Văn L chịu trách nhiệm trả cho chị Bùi Thị S 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*) không tính lãi và số nợ khác 21.000.000đ. Tổng phải trả 41.000.000đ. (*Bốn một triệu đồng*)

Anh L chịu trách nhiệm giao lại cho chị V 21.950.000đ (*Hai một triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền chênh lệch tài sản.

Chi phí thẩm định và định giá: Tổng chi phí hết 5.000.000đ, chị V và anh L mỗi người phải chịu 2.500.000đ (Số tiền này đã được đối trừ trong phần chia tài sản và công nợ)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Hai bên đương sự thỏa thuận chị Trịnh Thị V chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị V đã nộp tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo biên lai thu số AA/2015/0003755 ngày 01/10/2020. Chị V được nhận lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*)

Án phí giá ngạch: Chị V phải chịu 828.787đồng (*Tám trăm hai tám nghìn, bảy trăm tám bảy đồng*) tiền án phí giá ngạch tài sản. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.680.000đồng, chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0003756 ngày 01/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa. Đối trừ chị V được nhận lại 1.851.213đồng (*Một triệu, tám trăm năm một nghìn, hai trăm mười ba đồng.*)

Anh L phải chịu 828.787đồng (*Tám trăm hai tám nghìn, bảy trăm tám bảy đồng*) tiền án phí giá ngạch tài sản.

Trả lại cho chị Bùi Thị S 500.000đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2015/0005335 ngày 11/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- UBND xã Định Hưng
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Thắng